TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:27/2024/HNGĐ - ST
Ngày 14/6/2024.
(*V/v:ly hôn*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hà Quang Văn, bà Nguyễn Thị Phương Thiệu.

Thư ký phiên toà: ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2024/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc "ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* anh Hoàng Kim Đ, sinh năm 1986, tên gọi khác: không

Địa chỉ: thôn 10, xã H, thành phố B, tỉnh Đ.

Bị đơn: chị Quách Thị T, sinh năm 1987, tên gọi khác: Không.

Trú tại: thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh N.

Anh Đ và chị T đều vắng mặt, đều có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Hoàng Kim Đ trình bày: tôi và chị Quách Thị T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã X, huyện N, tỉnh N vào ngày 09/6/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn X, huyện N, tỉnh N. Vợ chồng tôi chỉ chung sống được 15 ngày, thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã, xúc phạm lẫn nhau và do tìm hiểu không kỹ nên không có tình yêu. Cũng do mâu thuẫn nặng nên đến tháng 7/2020 cô Tuyết đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Từ khi cô Tuyết bỏ về nhà bố mẹ đẻ đến nay chúng tôi sống ly thân hoàn toàn, không liên hệ, quan tâm gì đến nhau nữa. Đến

nay tôi thấy vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng tôi đã đến mức thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Quách Thị T.

Về con chung: chúng tôi không có con chung.

Về tài sản và công nợ chung: tôi không không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/5/2024, chị Quách Thị T trình bày: việc kết hôn của vợ chồng đúng như anh Đ đã trình bày. Chị T thừa nhận vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được khoảng15 ngày, thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống; thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân hoàn toàn, không liên hệ, quan tâm gì đến nhau từ tháng 7/2020 đến nay. Bản thân T hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh H nên chị T cũng xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án. Chị T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với anh Đ. Về con chung: chị T cũng trình bày vợ chồng không có con chung, bản thân chị hiện không có thai. Về tài sản và công nợ chung: chị T cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 5, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: xử cho anh Hoàng Kim Đ được ly hôn với chị Quách Thị T. Về án phí: anh Hoàng Kim Đ phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Quách Thị T có địa chỉ tại thôn Đức Thành, xã X, huyện N, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện N áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn cùng vắng mặt nhưng đều có đơn xin xử

vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa anh Hoàng Kim Đ và chị Quách Thị T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đức Thành, xã X, huyện N, tỉnh N. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian khoảng 15 ngày, thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo sự trình bày của các đương sự là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã, xúc phạm lẫn nhau và do tìm hiểu không kỹ nên không có tình yêu dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm, cãi vã. Đến tháng 7/2020 thì chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, kể từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân hoàn toàn, không liên hệ, quan tâm gì đến nhau nữa. Bản thân chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Hoàng Kim Đ và chị Quách Thị T đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Kim Đ, xử cho anh Hoàng Kim Đ được ly hôn với chị Quách Thị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh Hoàng Kim Đ và chị Quách Thị T không có con chung nên Toà không xét.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Anh Đ và chị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà không xét.

[5] Về án phí: anh Hoàng Kim Đ phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho anh Hoàng Kim Đ được ly hôn với chị Quách Thị T.

2. Về án phí: anh Hoàng Kim Đ phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Hoàng Kim Đ Đường đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện N theo biên lai số BLTU/23/0001199, ngày 26/3/2024.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Toà án tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS N;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Quốc